

Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến việc làm của người khuyết tật tại Việt Nam

Trịnh Thị Phương*

Nhận ngày 20 tháng 6 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Tóm tắt: Người khuyết tật (NKT) tại Việt Nam hiện phải đối mặt với nhiều rào cản về việc làm trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0). Những khó khăn về thể chất và tương tác xã hội đã hạn chế cơ hội việc làm và sự tham gia của NKT vào các hoạt động xã hội. CMCN 4.0 tạo nên sự thay đổi lớn trong tư duy, kéo theo đó là sự chuyển đổi về cơ cấu việc làm và cách thức làm việc. NKT không dễ dàng tiếp cận nhanh chóng nền tảng số trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0. Do đó, cần đảm bảo NKT được hưởng các quyền và cơ hội bình đẳng như những người không khuyết tật về lao động, việc làm là rất cần thiết; tạo điều kiện thuận lợi để NKT hòa nhập vào thị trường lao động. Bài viết này nhằm phân tích tác động của CMCN 4.0 đến việc làm của NKT và đề xuất một số giải pháp tăng khả năng tiếp cận việc làm cho NKT ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Việc làm, người khuyết tật, khuyết tật vận động, Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: In the context of the Industrial Revolution 4.0 in Vietnam, people with disabilities (PWDs) currently face many barriers to employment. Physical and social interaction difficulties have limited employment opportunities and participation of PWDs in social activities. The Industrial Revolution 4.0 is a revolution that creates a big change in thinking, followed by a transformation in the structure of employment and the way of working. PWDs do not easily and quickly access to digital platforms in the 4.0 Industrial Revolution. Therefore, it is necessary to ensure that PWDs enjoy the same rights and opportunities as people without disabilities in terms of work and employment; create favorable conditions for PWDs to integrate into the labor market; ensure full enforcement of the rights of PWDs and build a more inclusive, diverse society so that no one is left behind. This article aims to analyze the impact of the Industrial Revolution 4.0 on the employment of PWDs and propose some solutions to increase employment accessibility for PWDs in Vietnam today.

Keywords: Employment, People with Disabilities, Mobility Disabilities, Industrial Revolution 4.0, Vietnam.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Theo Luật Người khuyết tật, tại Khoản 1, Điều 2, quy định người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn (Quốc hội, 2010). Theo thống kê của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam năm 2020, cả nước có khoảng 6,2 triệu NKT, chiếm 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên, trong đó có 58% là nữ, 28,3% là trẻ em, gần 29% là NKT nặng và đặc biệt nặng. Tính đến cuối năm 2020, gần 3 triệu NKT đã được cấp giấy chứng nhận Người khuyết tật (Hồng Phương, 2020). Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2012 ngày 10/4/2012 quy định chi

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: trinththiphuong1604@gmail.com

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật (sau đây gọi tắt là Nghị định). Theo đó, Nghị định đã quy định 6 dạng tật (Điều 2), tuy nhiên, bài viết này chỉ đề cập đến nhóm thứ nhất đó là: *Khuyết tật vận động là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.*

Các nghiên cứu đi trước xoay quanh chủ đề về việc làm của NKT đã cho thấy, NKT gặp những rào cản về cơ hội việc làm, cũng như nhiều thách thức. Trong điều kiện bình thường, cơ hội việc làm đối với người khuyết tật vốn đã khó khăn, thì trong mấy năm qua đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp càng khiến vấn đề giải quyết việc làm cho NKT thêm nhiều trở ngại. Mất việc làm và hiện nhiều NKT khó trở lại thị trường lao động, khó tìm cho mình một công việc phù hợp để tự tin vượt lên hoàn cảnh, hòa nhập cộng đồng và góp phần giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội. Đây cũng là chủ đề mà các nghiên cứu Xã hội học cần hướng tới nghiên cứu, lý giải. Tìm hiểu việc làm của NKT trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 hiện nay, không chỉ giúp nhóm lao động NKT tự tin vượt lên hoàn cảnh, hòa nhập cộng đồng, góp phần giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội, mà còn khẳng định vai trò của họ trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Để thực hiện được nghiên cứu này, bài viết tiếp cận theo hai hướng chính: Tiếp cận theo *lý thuyết nhu cầu* của A.Maslow, con người là một thực thể sinh - tâm lý xã hội. Do đó, con người có nhu cầu cá nhân cần cho sự sống (nhu cầu về sinh học) và nhu cầu xã hội (việc làm, tham gia xã hội...). Theo đó, ông chia nhu cầu con người thành 5 thang bậc từ thấp đến cao (nhu cầu sống còn, nhu cầu an toàn, nhu cầu thuộc vào một nhóm nào đó (Đào Phú Quý, 2010).

Ngoài ra, tiếp cận về *thuyết quyền con người* đã được pháp luật quốc tế bảo vệ (Đào Thị Tùng, 2016). Với cách tiếp cận theo quyền, NKT có quyền có việc làm và được pháp luật bảo đảm để họ thực hiện được quyền đó. Bộ luật Lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2012, Khoản 1 Điều 176 khẳng định: “Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là người khuyết tật, có chính sách khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo việc làm và nhận lao động là người khuyết tật vào làm việc, theo quy định của Luật Người khuyết tật” (Tổng cục Thống kê, 2018: 36). Luật Người khuyết tật 2010, Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật: “d) Được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lý, tiếp cận công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật” (UNDESA, 2018: 189).

Đồng thời, nội dung chương 4 của Luật này cũng đã chỉ rõ vấn đề dạy nghề và việc làm cho NKT, bao gồm: Điều 32. Dạy nghề đối với người khuyết tật; Điều 33. Việc làm đối với người khuyết tật; Điều 34. Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật; Điều 35. Chính sách nhận người khuyết tật vào làm việc. Tại Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 đã nêu rõ mục tiêu: Giai đoạn 2012-2015: 250.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp và giai đoạn 2015-2020: 300.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp (UNDP & iSEE, 2017).

Để thực hiện các quy định trên, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật đã có những quy định chi tiết về dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật (Mitra và Sambamoorthi, 2006: 203). Theo đó, Nhà nước đảm bảo, tạo điều kiện tối đa cho NKT được lựa chọn, tư vấn và học nghề, làm việc theo khả năng, sức khỏe của mình; cơ sở dạy nghề, tổ chức dạy nghề phải đảm bảo điều kiện dạy nghề; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, không được từ chối tuyển dụng những người lao động khuyết tật có đủ tiêu chuẩn,... Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước ta có các quy định về quỹ việc làm, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người khuyết tật,...

2. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến lao động và việc làm của người khuyết tật tại Việt Nam

Hiện nay, CMCN 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, trong cuộc cách mạng này, mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đều bị tác động, đặc biệt những tác động đối với lĩnh vực lao động và việc làm là rất lớn.

CMCN 4.0 đã tạo ra nhiều đột phá về công nghệ mới trong các lĩnh vực như sản xuất trí thông minh nhân tạo, chế tạo rô-bốt, phát triển mạng internet, công nghệ in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học. Theo đó, các công nghệ mới ra đời sẽ là sự liên kết các lĩnh vực lý - sinh; cơ - điện tử - sinh... hình thành các ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành nghề có sự liên quan đến tương tác giữa con người với máy móc. Các robot đang được sử dụng nhiều hơn ở tất cả các lĩnh vực từ nông nghiệp chính xác cho đến chăm sóc người bệnh. Sự phát triển nhanh của công nghệ robot làm cho sự hợp tác giữa người và máy móc sớm trở thành hiện thực. Hơn nữa, tự động hóa đi đôi với trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ phát triển mạnh hơn, thậm chí với những kỹ năng trước đây chỉ có con người sở hữu, nay máy móc có thể thay thế một phần hoặc toàn bộ.

Cuộc CMCN 4.0 cũng mang lại cả cơ hội lẫn thách thức đối với sự phát triển ở mỗi quốc gia. Những ứng dụng của CMCN 4.0 là các công cụ giúp cho việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất, quản lý. Con người có thể tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng và đầy đủ nhờ sự hỗ trợ của internet, dữ liệu lớn, sự phát triển của hệ thống thông tin trực tuyến, mạng xã hội... Dữ liệu lớn giúp cho việc thu thập và phân tích dữ liệu dễ dàng hơn, thông qua đó có thể hỗ trợ việc ra quyết định nhanh hơn và chính xác hơn. Cuộc CMCN 4.0 sẽ giúp các quốc gia có cơ hội phát triển thịnh vượng hơn, kết nối và hội nhập nhanh chóng, đồng thời cũng phải đối diện với những thách thức về thất nghiệp, việc làm, bất bình đẳng, sự gia tăng tính dễ bị tổn thương cho các nhóm đối tượng trong xã hội.

2.1. Tác động đến cá nhân người khuyết tật và gia đình

Quá trình nghiên cứu cho thấy, đa số những khó khăn hay nhu cầu để hòa nhập xã hội của người khuyết tật đều liên quan đến học nghề và việc làm, cụ thể là khó khăn lớn nhất mà người khuyết tật gặp phải là: “tìm việc làm” (78,8%); “Mong muốn những người xung quanh hỗ trợ, chia sẻ, giúp đỡ khi học tập, học nghề” (91,2%); Mong muốn các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho những người có khiếm khuyết về bản thân được làm việc (90%). Một số nhu cầu chiếm tỉ lệ cao như: mong được hòa nhập, giao lưu với bạn bè, mọi người xung quanh để tạo dựng các mối quan hệ (88,8%); Mong muốn được tham gia các chương trình hỗ trợ NKT (85%). Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hòa nhập xã hội của NKT là: khó có cơ hội để kết hôn, lập gia đình (57,5%); “không có việc làm ổn định để nuôi sống bản thân”. Yếu tố chủ quan cao nhất ảnh hưởng đến nhu cầu hòa nhập xã hội của NKT là “không có việc làm ổn định để nuôi sống bản thân” chiếm 60%. Phần lớn những NKT có việc làm không ổn định, chủ yếu là tự tạo việc làm, làm việc trong các tổ chức, cơ sở mang tính nhân đạo từ thiện, rất ít người tìm được làm việc ổn định trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Một mặt, các tổ chức, doanh nghiệp chưa tạo điều kiện cho NKT trong công việc của bản thân nhưng mặt khác chính bản thân NKT vẫn chưa nỗ lực để đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của công việc (60%).

Ảnh hưởng rõ rệt nhất đến NKT từ cuộc CMCN 4.0, đó chính là nạn thất nghiệp. Bởi vì, hiện tại, NKT có việc làm chủ yếu là các công việc đơn giản, không đòi hỏi trình độ chuyên môn cao... Trong khi đó, việc làm trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi hàm lượng tri thức cao, lành nghề, có kỹ năng tay nghề cao. Các công việc đơn giản sẽ được đảm nhiệm bởi máy móc cho năng suất cao và ổn định hơn rất nhiều so với khi sử dụng sức lao động của con người.

Ảnh hưởng của việc làm được đánh giá là rất quan trọng để NKT hòa nhập với xã hội. Vì bản thân họ có được việc làm tự nuôi sống mình và qua đó khẳng định giá trị của bản thân là một cách rất tốt để NKT hòa nhập với cộng đồng. Muốn vậy, bản thân sự nỗ lực của người khuyết tật và gia đình là chưa đủ mà rất cần sự chung tay của xã hội, và đặc biệt là các doanh nghiệp với tư cách những người tiên phong tạo cơ hội, trao niềm tin cho NKT làm việc chứ không phải tạo một công việc cho có, theo kiểu nhìn nhận đó là việc từ thiện. Việc NKT tự tạo việc làm, tiếp cận nguồn vốn vay nhằm ổn định cuộc sống hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, rào cản. Để giải quyết tình trạng trên, chúng ta cần giảm bớt thủ tục hành chính, giúp NKT dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn vay, qua đó tạo bước đệm để họ từng bước ổn định cuộc sống.

2.2. Tác động đến nhận thức của cơ quan sử dụng lao động người khuyết tật

NKT là mắt xích quan trọng trong chính sách an sinh xã hội và luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước bởi truyền thống nhân đạo của dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tháng 6/2011) đã nhấn mạnh: “Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh... chăm lo đời sống những người già neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi”. Tuy nhiên, theo báo cáo địa phương trên cả nước giai đoạn 2006-2010, tổng số NKT được dạy nghề trên cả nước gần 30.000 người, chỉ đạt hơn 37% so với mục tiêu đề ra theo Đề án trợ giúp người tàn tật của Chính phủ và chỉ có hơn một nửa trong số đó được tạo việc làm. Có thể thấy, công việc được trả lương có ý nghĩa rất lớn đối với NKT và điều này đã phần nào được khẳng định thông qua những nỗ lực của Nhà nước trong việc gắn kết NKT vào thị trường lao động. *Là một phần của nền kinh tế xã hội rộng lớn, các doanh nghiệp cũng cần cung cấp cơ hội việc làm được thiết kế phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu và năng lực của NKT.* Tuy nhiên, việc tiếp cận việc làm được trả lương của NKT vẫn còn nhiều hạn chế bởi sự kì thị, phân biệt trong cơ hội việc làm ở các doanh nghiệp hiện nay.

Có thể thấy, việc sử dụng lao động là NKT trong CMCN 4.0 cũng đồng thời mang đến cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp bởi những thách thức trong khả năng cải thiện tình trạng cơ sở vật chất của người lao động theo giới hạn và mức lương.

Cho đến nay, đã có rất nhiều nghiên cứu nhấn mạnh đến những thuận lợi mà doanh nghiệp có được khi sử dụng lao động là NKT. Eigenbrood & Retish (1988) đã khảo sát 38 nhà tuyển dụng cung cấp kinh nghiệm việc làm cho các nhóm thanh niên đa dạng từ giáo dục đặc biệt ở Mỹ và có 52,6% cho rằng NKT hoàn toàn có khả năng thực hiện ít nhất một số công việc trong doanh nghiệp của họ. Hầu hết các nhà tuyển dụng (86,6%) cảm thấy rằng đồng nghiệp thường thoải mái với NKT và khách hàng sẽ cảm thấy thoải mái nếu sinh viên khuyết tật làm việc toàn thời gian trong công ty của họ (67,5%). Tuy nhiên, hầu hết các công ty vẫn đang đặt câu hỏi về năng lực của NKT vì những hạn chế của NKT có năng lực làm việc đa dạng song các kỹ năng, khả năng và hiệu suất trong sản xuất được thể hiện khác nhau. Trên thực tế, sự đa dạng về các kỹ năng mà NKT sở hữu có thể là một tài sản cho công ty nếu người sử dụng lao động biết cách khai thác tối đa hóa tiềm năng và khả năng của NKT.

Ở Việt Nam, nhằm khuyến khích sử dụng lao động là NKT, Nhà nước đã có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động là NKT từ 30% trở lên trong tổng số lao động bình quân trong năm. Cụ thể, căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP thì Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật quy định tại Điều 334 Luật Người khuyết tật được hưởng các chính sách ưu đãi như hỗ trợ kinh phí cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế; Vay vốn ưu đãi... đặc biệt miễn tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở

sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 70% lao động là người khuyết tật trở lên. Giảm 50% tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% đến dưới 70% lao động là người khuyết tật (Nghị định số 28/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật người khuyết tật). Như vậy, doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT không chỉ đơn thuần được hưởng lợi theo chính sách của Nhà nước mà còn có cơ hội được sử dụng đội ngũ lao động tin cậy, chăm chỉ, chịu khó, nhiệt huyết công việc được giao nhằm nâng cao hiệu suất cũng như lan tỏa thông điệp nhân văn, nâng cao vị thế doanh nghiệp với khách hàng.

Cho đến nay, doanh nghiệp ở Việt Nam bên cạnh những cơ hội đạt được khi sử dụng là NKT vẫn còn rất nhiều rào cản, hạn chế trong tạo việc làm cho NKT, bao gồm cả doanh nghiệp của NKT. Tỷ lệ NKT không có việc làm thường cao hơn tỷ lệ những người không có khuyết tật. Kể cả khi người khuyết tật có việc làm, đó cũng thường là những việc không thuộc thị trường lao động chính thức, với đồng lương rẻ mạt, những vị trí đòi hỏi kỹ năng thấp, có ít hoặc không có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp. Tình trạng tồn tại cơ bản là vì người sử dụng lao động thường cho rằng NKT không có khả năng làm việc hoặc họ sợ phải chi phí tốn kém. Tuy nhiên, người lao động khuyết tật thường rất nỗ lực. Các nghiên cứu cho thấy người lao động là NKT làm việc ổn định tại các doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao. Đặc biệt, không chỉ ở Việt Nam và trên thế giới cũng đã có rất nhiều nghiên cứu nhấn mạnh đến những khó khăn, thách thức khi sử dụng lao động là NKT.

Bên cạnh đó, thách thức của doanh nghiệp khi sử dụng lao động là NKT còn được thể hiện thông qua việc phân biệt đối xử với NKT. Đây chính là kết quả của thái độ tiêu cực, thiếu kiến thức và nhận thức bởi khi một người có thái độ định kiến, phân biệt đối xử thì chính là một trở ngại đáng kể trong cơ hội việc làm của NKT. Đặc biệt, người không khuyết tật thường có ấn tượng tiêu cực về NKT, xem họ là người thấp kém nên việc phân biệt NKT càng thúc đẩy sự phân biệt đối xử trong nơi làm việc và góp phần vào tình trạng thất nghiệp.

Có thể thấy, cân bằng công việc đóng vai trò rất quan trọng để cải thiện chất lượng cuộc sống và duy trì sự độc lập. Ở Việt Nam, số NKT tìm được việc làm trong các doanh nghiệp lớn hầu như không đáng kể. Phần lớn doanh nghiệp vẫn nhận thấy nhiều thách thức trong việc tuyển dụng lao động là NKT như cơ sở vật chất không đáp ứng, năng suất lao động, rủi ro về vấn đề thể chất... và rào cản về sự phân biệt đối xử. Đặc biệt, bên cạnh việc làm ở các doanh nghiệp nói chung hiện nay thì doanh nghiệp NKT Việt Nam cũng cho thấy họ gặp nhiều thách thức hơn khi bước vào giai đoạn kinh tế đang hội nhập toàn cầu. Sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp sản xuất do thị trường quyết định được xem là thách thức lớn với doanh nghiệp của NKT. Bởi vậy, bên cạnh việc tiếp cận đầy đủ chính sách ưu đãi và phát huy thế mạnh của mình, doanh nghiệp của NKT cũng cần sản xuất thành chuỗi liên kết và ứng dụng công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu hiện nay. Đây cũng là thách thức, khó khăn do doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ lẻ song cần được xem xét cho xu hướng phát triển trong thời gian tới.

Đối với NKT, việc làm có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giúp NKT có cơ hội được làm việc, tham gia vào quan hệ lao động mà còn giúp họ hòa nhập vào cộng đồng và tự vươn lên trong cuộc sống. Chính vì vậy, cần có những chính sách, hỗ trợ thiết thực nhằm nâng cao vị thế của NKT cũng như tạo điều kiện việc làm cho NKT hiện nay.

Về phía nhà tuyển dụng, doanh nghiệp cần thực sự quan tâm tới việc tuyển dụng lao động là NKT, đánh giá đúng khả năng lao động của họ cũng như tạo ra môi trường làm việc tiếp cận để NKT có thể đến làm việc. Khuyến khích doanh nghiệp cùng tham gia vào công tác tuyển dụng, hỗ trợ việc làm cho NKT. Tập trung chỉ đạo địa phương thành lập Quỹ việc làm cho NKT và thực hiện nghiêm túc chế độ thưởng phạt doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về việc tuyển dụng lao động là NKT.

2.3. Tác động đến các chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật

Trong xã hội ngày nay, để tìm được công việc ổn định và phù hợp rất khó khăn, đặc biệt đối với NKT bởi họ luôn phải chịu thiệt thòi về thể chất, tinh thần hơn những người khác. Bên cạnh đó,

NKT còn chịu nhiều bất lợi khác như thường xuyên bị tách biệt khỏi xã hội bởi những phản ứng tiêu cực từ xã hội. Vì vậy, giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật không chỉ là một vấn đề kinh tế, mà còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Khi người lao động khuyết tật được tạo điều kiện tiếp cận cơ hội việc làm, họ sẽ có thêm tự tin để cống hiến những năng lực của mình cho xã hội. Việc làm giúp người lao động khuyết tật tạo ra của cải vật chất cho xã hội, có thu nhập nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình. Qua đó, NKT không còn tâm lý phải sống dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác, sống hòa nhập hơn với cộng đồng, xã hội và được mọi người thừa nhận.

Do đó, cùng với việc làm, giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật là vấn đề quan trọng, thậm chí là rất quan trọng. Bởi vì, vấn đề giải quyết việc làm cho NKT không chỉ thuộc bình diện kinh tế - xã hội, mà còn thuộc bình diện chính trị - pháp lý. Hơn nữa, giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật không chỉ là vấn đề bức xúc trước mắt, mà còn là vấn đề chiến lược lâu dài; không chỉ đối với một quốc gia mà còn mang tính quốc tế, tính toàn cầu sâu sắc.

Trong sự tác động sâu sắc và toàn diện của cuộc CMCN 4.0, giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật bao gồm những vấn đề liên quan đến phát triển nguồn nhân lực và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Tức là quá trình đó diễn ra bắt nguồn từ vấn đề giáo dục, đào tạo và phổ cập nghề, chuẩn bị cho người lao động bước vào cuộc đời lao động (lập thân lập nghiệp), đến vấn đề tự do lao động và hưởng thụ xứng đáng giá trị mà lao động sáng tạo ra, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống. Với nội dung này, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật gắn rất chặt và được thực hiện thông qua các chương trình phát triển kinh tế. Do đó, giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật theo nghĩa này mang nội dung kinh tế là chính.

Tiếp cận chính sách việc làm và giải quyết việc làm đối với NKT là một trong những chính sách xã hội thuộc hệ thống chính sách an sinh xã hội có vai trò quan trọng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách việc làm và giải quyết việc làm đối với NKT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời được triển khai hiệu quả đã có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo ổn định xã hội, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

Trong bối cảnh ảnh hưởng của cuộc CMCN 4.0, việc đẩy mạnh thực hiện chính sách dạy nghề và tạo việc làm cho NKT trở thành nhiệm vụ cơ bản và cấp bách đối với mỗi cấp, mỗi ngành và toàn xã hội. Mục tiêu sau cùng của chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho NKT là gia tăng tỷ lệ NKT được học nghề, gia tăng tỷ lệ NKT có việc làm ổn định, từ đó giúp họ có thu nhập, tự cải thiện cuộc sống của bản thân và gia đình, đồng thời giảm gánh nặng cho xã hội. Cụ thể: i) NKT sẽ được tư vấn hướng nghiệp, được tạo cơ hội học nghề cũng như kiến thức chuyên môn khác mà không mất tiền học phí, được tạo cơ hội làm việc sau khi học nghề,...; ii) cơ sở dạy nghề cho NKT sẽ được ngân sách hỗ trợ để đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ chi phí dạy nghề người khuyết tật; iii) các đơn vị, doanh nghiệp có NKT tham gia làm việc sẽ nhận được những ưu đãi nhất định trong sản xuất, kinh doanh.

Nội dung của chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho NKT bao gồm: (i) hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho NKT phát triển sản xuất, kinh doanh; (ii) hỗ trợ dạy nghề cho NKT có nhu cầu và khả năng làm việc; (iii) hỗ trợ định hướng, tư vấn, tạo việc làm cho NKT: được thực hiện thông qua các Trung tâm giới thiệu việc làm của các huyện; (iv) hỗ trợ doanh nghiệp tạo việc làm cho NKT.

Về chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho NKT phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện các chương trình tín dụng, chính sách ưu đãi cho các đối tượng, trong đó có NKT. Giai đoạn 2016-2019, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tập trung nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, góp phần hỗ trợ vốn vay cho NKT và các doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT, góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

Tại các địa phương đều cho thấy, NKT tiếp cận với vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội rất thuận lợi, bởi họ là đối tượng ưu tiên vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội và được áp

dụng mọi chế độ như những đối tượng chính sách khác trong xã hội. Để hỗ trợ tín dụng đối với NKT, Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho các đối tượng vay vốn thông qua Quỹ quốc gia về việc làm. Theo đó, NKT có nhu cầu vay vốn sẽ được xem xét nếu đủ điều kiện vay vốn thì sẽ được vay vốn với lãi suất bằng 50% mức lãi suất cho vay ưu đãi đối với các đối tượng khác vay vốn giải quyết việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Tuy nhiên thực tế cũng cho thấy, nhu cầu vay của NKT ở các địa phương trên cả nước rất nhiều, nhưng mức vay được hỗ trợ khá thấp (50 triệu đồng). Do đó, nhiều NKT bày tỏ mong muốn trong thời gian tới sẽ được quan tâm và nâng cao hơn nữa mức cho vay để có cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao đời sống gia đình.

Về chính sách hỗ trợ dạy nghề cho NKT có nhu cầu và khả năng làm việc. Trong thời gian qua, Chính phủ đã dành riêng một khoản ngân sách cho dạy nghề cho NKT thông qua Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi, Ủy ban nhân dân các tỉnh.

Ở các địa phương, công tác hỗ trợ NKT học nghề được tỉnh ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm. Hàng năm, các địa phương đều có phương án bố trí kinh phí hỗ trợ NKT học nghề từ nguồn vốn ngân sách địa phương. Tại một số địa phương, công tác hỗ trợ NKT học nghề được lồng ghép trong Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (ví dụ như tỉnh Quảng Ninh: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày 04/08/2015 phê duyệt danh mục 44 nghề đào tạo trình độ sơ cấp nghề và mức chi phí, mức hỗ trợ cho từng nghề hỗ trợ đào tạo cho người khuyết tật; Ngày 17/4/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1139/2017/QĐ-UBND phê duyệt danh mục 45 nghề, nhóm nghề đào tạo trình độ sơ cấp và mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ cho từng nghề, trong đó có quy định riêng mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật).

Các nghề đào tạo dành cho NKT cũng khá đa dạng, bao gồm: cắt may, sửa xe, điện cơ, điện máy, trang điểm, các nghề gắn với các làng nghề truyền thống ở địa phương... Ngoài ra, NKT có nhu cầu còn được các Trung tâm bảo trợ - dạy nghề và tạo việc làm cho người tàn tật các địa phương tổ chức học nâng cao trình độ học vấn theo chương trình giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về chính sách hỗ trợ định hướng, tư vấn, tạo việc làm cho NKT. Song song với các hoạt động dạy nghề là tạo việc làm cho người lao động, vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng bởi vì có việc làm không những tạo ra thu nhập để đáp ứng nhu cầu bản thân và gia đình của NKT, mà còn giúp phục hồi chức năng, hoà nhập cộng đồng và hơn hết là đảm bảo quyền công dân của NKT. Chính vì vậy mà những năm qua, Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT, hỗ trợ NKT tự tạo việc làm,...

Việc hỗ trợ NKT tìm việc làm được thực hiện thông qua các Trung tâm dịch vụ việc làm tại mỗi tỉnh, thành phố. Các công ty tư nhân giới thiệu việc làm cũng phát triển mạnh. Ngành Lao động - Thương binh & Xã hội cũng thường xuyên tổ chức các hội chợ việc làm, trong đó có khu vực dành riêng cho NKT với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề. Do vậy, NKT có nhiều cơ hội việc làm hơn và số lượng có việc làm đã tăng lên hàng năm.

Nhiều địa phương thành lập và bố trí kinh phí từ Quỹ việc làm cho NKT để hỗ trợ, tạo việc làm cho NKT. Đối với những NKT tự đứng lên làm chủ bản thân, tự sản xuất, kinh doanh thì thực tế cho thấy rằng, các doanh nghiệp, hợp tác xã thủ công, mỹ nghệ, nghề may là những mô hình khá phổ biến và công nhân chính là những NKT, tức là, những NKT này đã góp phần tạo ra công ăn việc làm cho một bộ phận NKT khác.

Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tạo việc làm cho NKT. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là NKT cũng là đối tượng nhận được sự hỗ trợ từ phía chính sách của nhà nước. Nếu doanh nghiệp có sử dụng lao động là NKT từ 30% trở lên trong tổng số bình quân lao động trong năm thì sẽ được hưởng những chính sách sau: (1) vay vốn ưu đãi theo dự án phát triển

sản xuất, kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội: các doanh nghiệp có sử dụng từ 10 NKT làm việc ổn định; (2) hỗ trợ kinh phí cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp cho NKT: các doanh nghiệp có sử dụng từ 10 NKT làm việc ổn định; (3) miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế: không bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bất động sản, và phải có số lao động là NKT bình quân trong năm ít nhất từ 20 người trở lên; (4) ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước: các doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là NKT (Quốc hội, 2010).

3. Một số giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận việc làm của người khuyết tật dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

Để nâng cao chất lượng nhân lực NKT có kỹ năng nghề trong bối cảnh CMCN 4.0, thời gian tới, chính phủ và các bộ ngành, địa phương cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực NKT có kỹ năng nghề; tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động NKT để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Hai là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối cung - cầu, để nâng cao hiệu quả đào tạo và sử dụng lao động, bao gồm cả lao động đã đi làm việc ở nước ngoài trở về nước để phát huy các thế mạnh của họ trong lao động, sản xuất và nâng cao thu nhập gắn với việc làm bền vững.

Ba là, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền tạo sự chuyển biến về nhận thức, đồng thuận của xã hội về phát triển giáo dục nghề nghiệp, vị trí, vai trò của nhân lực NKT có kỹ năng nghề, nhằm huy động sự tham gia và nguồn lực của toàn xã hội, nhất là sự đồng hành của doanh nghiệp trong việc phát triển nhân lực NKT có kỹ năng nghề phục vụ phát triển đất nước.

Bốn là, khuyến khích đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được tổ chức, sắp xếp lại; thúc đẩy phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp NKT có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả.

Năm là, tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tạo việc làm cho NKT; khuyến khích các doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động NKT dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng người lao động NKT đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật.

Sáu là, tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương, song phương trong giáo dục nghề nghiệp cho NKT như: liên kết đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; quản trị nhà trường...

4. Kết luận

Cuộc CMCN 4.0 cũng đang đặt ra nhiều thách thức đối với các nhà quản lý, nhà làm chính sách tại Việt Nam, bao gồm việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo đảm hài hòa lợi ích đối với các mô hình kinh doanh dịch vụ truyền thống; kiểm soát việc minh bạch về thông tin; quản lý giao dịch điện tử, thanh toán quốc tế đối với xuất nhập khẩu bằng thẻ; quản lý chất lượng dịch vụ, sản phẩm; chống thất thoát thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân) và một số vấn đề xã hội khác nảy sinh như lao động, việc làm và an sinh xã hội.

Cuộc CMCN 4.0 có thể tác động lớn đến thị trường lao động nói chung và NKT nói riêng, khi mà Việt Nam đang thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng ở một số ngành, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội. Thực tế này đòi hỏi Nhà nước cần phải có tầm nhìn về mặt chính sách để giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh từ cuộc CMCN 4.0.

CMCN 4.0 đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội, nhất là việc làm, đời sống của người lao động Việt Nam, trong đó có người lao động là NKT. Thời gian tới, Nhà nước nên có chủ trương, chính sách mang tính tổng thể, mạnh mẽ và tạo đột phá hơn nữa để có thể nắm bắt được cơ hội, vượt qua thách thức, chủ động tham gia có hiệu quả vào cuộc cách mạng này. Do vậy, việc xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho nhóm lao động dễ bị tổn thương là NKT là một yêu cầu thiết yếu.

Tài liệu tham khảo

Buckup. S. (2019). Cái giá phải trả cho sự tách biệt: Những hệ quả về mặt kinh tế khi tách biệt người khuyết tật khỏi thế giới công việc. https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/edemp/ifp_skills/documents/publication/wcms_119305.pdf

Chính phủ. (2012). *Nghị định số 28/2012 ngày 10/4/2012* của Chính phủ ban hành *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*.

Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc. (2018). Nghèo đa chiều tại Việt Nam, giảm đói nghèo ở tất cả các chiều để đảm bảo chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người.

<https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/MDPR.html>.

D. Romer, T.Heller. Social adaptation of mentally retarded adults in community settings: A social - ecological approach.

Đào Phú Quý. (2010). Thuyết nhu cầu của A. Maslow với việc động viên người lao động. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh*. Số 26.

Đào Thị Tùng. (2016). Nhận thức rõ quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về quyền con người - đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*. Số 4(85).

Hồng Phượng. (2020). Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam tổng kết nhiệm vụ năm 2020. *Tạp chí Lao động và Xã hội*. <http://laodongxahoi.net/uy-ban-quoc-gia-ve-nguoi-khuyet-tat-viet-nam-tong-ket-nhiem-vu-nam-2020-1317903.html>

Mitra và Sambamoorthi. (2006). Việc làm đối với người khuyết tật: Bằng chứng từ Điều tra quốc gia. *Tuần báo Kinh tế và Chính trị*. Số 3.

Quốc hội. (2010). *Luật Người khuyết tật*.

Racino. J. (1999). *Integration. Policy, Program Evaluation and Research in Disability: Community Support for All*. London: Haworth Press. 8-9.

Tổ chức lao động quốc tế. (2006). *Hướng tới cơ hội việc làm bình đẳng cho người khuyết tật thông qua hệ thống pháp luật*.

Tổng cục Thống kê. (2018). *Điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam 2016*. Nxb. Thống kê.

UNDESA. (2018). Báo cáo về khuyết tật và phát triển, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững vì người khuyết tật, trang 189 <https://www.un.org/development/desa/disabilities/wpcontent/uploads/sites/15/2018/12/UN-Flagship-Report-Disability.pdf>